

Số: **2207 /TH-TCHC**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2019

CBTT về thay đổi người nội bộ và bản cung cấp thông tin người nội bộ mới.

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

- Trụ sở chính: 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 38 558 563 Fax: (08) 39 557 977

2. Người thực hiện công bố thông tin:

- Người thực hiện công bố thông tin: **Trần Thị Cẩm Vân - Giám đốc.**
- Địa chỉ: 207 đường số 8, phường 4, Quận 8, TP.HCM

3. Loại thông tin công bố:

- 24h       72h       Yêu cầu       Bất thường       Định kỳ

4. Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện điểm n khoản 1 Điều 9 của thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng. Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Công ty) công bố thông tin như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, đối với Ông Lý Bửu Nghĩa (theo đơn từ nhiệm), từ ngày 19/04/2019.
- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 19/04/2019.

5. Địa chỉ đăng tải: thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 22/04/2019 tại đường dẫn: [www.capnuoctanhua.com.vn](http://www.capnuoctanhua.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

❖ Đính kèm: Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 và Bản cung cấp thông tin của bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt. *ph*



**Trần Thị Cẩm Vân**

Số : **019** /NQ-TH-ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa;
- Căn cứ kết quả biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, được tổ chức vào ngày 19/04/2019 tại Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa,

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**  
**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 (tài liệu đính kèm).
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Cấp nước Tân Hòa năm 2018 (tài liệu đính kèm)
3. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

| CHỈ TIÊU                        | ĐV tính             | THỰC HIỆN NĂM 2018 | KẾ HOẠCH NĂM 2019 | Ghi chú |
|---------------------------------|---------------------|--------------------|-------------------|---------|
| A                               | B                   | 1                  | 2                 | 3       |
| <b>A. SẢN XUẤT – KINH DOANH</b> |                     |                    |                   |         |
| Nước cung cấp                   | 1.000m <sup>3</sup> | 46.414             | 47.000            |         |
| Doanh thu tiền nước             | Tr.đồng             | 399.019            | 436.019           |         |
| Gắn mới đồng hồ nước            | Cái                 | 1.917              | 1.000             |         |



| CHỈ TIÊU   | ĐV tính  | THỰC HIỆN NĂM 2018 | KẾ HOẠCH NĂM 2019 | Ghi chú |
|--|----------|--------------------|-------------------|---------|
| Thay ĐHN cỡ nhỏ  | Cái      | 22.963             | 14.007            |         |
| Thay ĐHN cỡ lớn  | Cái      | 75                 | 16                |         |
| Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch                          | %        | 100                | 100               |         |
| Tỷ lệ thất thoát nước                                    | %        | 20,48              | 19,5              |         |
| Giá bán bình quân  | Đồng     | 9.299              |                   |         |
| <b>B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>                                |          |                    |                   |         |
| <i>Phát triển mạng lưới cấp nước</i>                     |          |                    |                   |         |
| – Khối lượng   | m        | 2.498              | 3.462             |         |
| – Giá trị khối lượng                                     | Tr.đồng  | 9.801              | 30.082            |         |
| – Giá trị giải ngân                                      | Tr.đồng  | 133                | 24.285            |         |
| <i>Đầu tư thay mới, sửa chữa ống mục</i>                 |          |                    |                   |         |
| – Khối lượng   | m        | 0                  | 10.450            |         |
| – Giá trị khối lượng                                     | Tr.đồng  | 0                  | 49.203            |         |
| – Giá trị giải ngân                                      | Tr.đồng  | 172                | 34.797            |         |
| <i>Xây hầm ĐHT và thay thế ĐHT bị hư</i>                 |          |                    |                   |         |
| – Khối lượng   | cái      | 0                  | 0                 |         |
| – Giá trị khối lượng                                     | Tr.đồng  | 1.745              | 242               |         |
| – Giá trị giải ngân                                      | Tr.đồng  | 8.953              | 242               |         |
| <i>Di dời, xử lý giao cắt hệ thống cấp nước hiện hữu</i> |          |                    |                   |         |
| – Khối lượng   | m        | 105                | 2.450             |         |
| – Giá trị khối lượng                                     | Tr.đồng  | 414                | 8.643             |         |
| – Giá trị giải ngân                                      | Tr.đồng  | 0                  | 6.993             |         |
| <i>Sửa chữa thay thế, gắn mới trụ cứu hỏa</i>            |          |                    |                   |         |
| – Khối lượng   | cái      |                    | 04                |         |
| – Giá trị khối lượng                                     | Tr.đồng  |                    | 490               |         |
| – Giá trị giải ngân                                      | Tr. đồng |                    | 490               |         |

| CHỈ TIÊU                              | ĐV tính | THỰC HIỆN NĂM 2018 | KẾ HOẠCH NĂM 2019 | Ghi chú |
|---------------------------------------|---------|--------------------|-------------------|---------|
| <i>Tăng áp và cải thiện mạng lưới</i> |         |                    |                   |         |
| - Khối lượng                          | m       |                    | 0                 |         |
| - Giá trị khối lượng                  | Tr.đồng |                    | 390               |         |
| - Giá trị giải ngân                   | Tr.đồng |                    | 390               |         |

4. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2018 đã kiểm toán (*tài liệu đính kèm*)

5. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2019

| STT      | CHỈ TIÊU                        | ĐƠN VỊ TÍNH          | KẾ HOẠCH 2019 | GHI CHÚ                                     |
|----------|---------------------------------|----------------------|---------------|---|
| <b>A</b> | <b>SẢN XUẤT- KINH DOANH</b>     |                      |               |   |
| 1        | Nước tiêu thụ                   | 1.000 m <sup>3</sup> | 47.000        |   |
| 2        | Thu tiền nước                   | Triệu đồng           | 436.019       | Giá bán BQ năm 2019= 9.277 đ/m <sup>3</sup> |
| 3        | Gắn mới đồng hồ nước            | cái                  | 1.000         |   |
| 4        | Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ        | cái                  | 14.007        |   |
| 5        | Thay đồng hồ nước cỡ lớn        | cái                  | 16            |   |
| 6        | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch | %                    | 100,00        |   |
| 7        | Tỷ lệ nước thất thoát thất thu  | %                    | 19,5          | Giảm 0,98 % so BQ năm 2018 (20,48%)         |
| <b>B</b> | <b>TÀI CHÍNH</b>                |                      |               |   |
| 1        | Tổng doanh thu                  | Triệu đồng           | 120.894       |   |
| 2        | Lợi nhuận trước thuế            | Triệu đồng           | 5.194         |   |
| 3        | Lợi nhuận sau thuế              | Triệu đồng           | 4.001         |   |
| 4        | Tỷ lệ chi cổ tức                | %                    | 5             |   |
| 5        | Số tiền phân phối quỹ           | Triệu đồng           | 4.001         |   |

6. Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018

| Stt | Nội dung                            | Tỷ lệ trích / LNPP (%) | Số tiền (đồng) |
|-----|-------------------------------------|------------------------|----------------|
| 1   | Trích lập các quỹ                   |                        |                |
|     | - Đầu tư phát triển                 | 4,17 %                 | 162.247.244    |
|     | Quỹ khen thưởng                     | 10,32%                 | 401.508.505    |
|     | Quỹ phúc lợi                        | 15,49%                 | 602.262.757    |
|     | - Khen thưởng VCQL                  | 5,75%                  | 223.531.942    |
| 2   | Chia cổ tức (5% /mệnh giá cổ phiếu) | 64,27%                 | 2.499.000.000  |

- Giao HĐQT; Ban Điều hành thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định.

7. Thống nhất Chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC (AASC) với mức phí kiểm toán là 73.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

- Giao Giám đốc công ty ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được chọn, để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.

8. Thống nhất phê duyệt ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 với tổng số tiền là 25.000.000 đồng/ năm.

- Giao cho Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng cân đối chi các khoản không được vượt mức Đại hội đồng cổ đông thông qua

9. Thông qua báo cáo thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2018; kế hoạch thù lao năm 2019; Kế hoạch quỹ lương người quản lý năm 2019.

- Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS trong năm 2018:

- + Thành viên HĐQT : 4.000.000 đồng/người/tháng
- + Thành viên BKS : 3.000.000 đồng/người/tháng

Các thành viên hưởng thù lao theo thời gian đương nhiệm. Tổng cộng thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2018 : **192.000.000 đồng** và Tổng cộng thù lao chi trả cho Ban kiểm soát trong năm 2018 : **72.000.000 đồng**

- Kế hoạch chi trả thù lao đối với HĐQT, BKS Công ty trong năm 2019:

- + Thành viên HĐQT : 5.500.000 đồng/người/tháng
- + Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019 đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách Công ty là 2.412.000.000 đồng. Trong đó :

- + Mức lương Chủ tịch HĐQT : 40.600.000 đồng / tháng.
- + Mức lương Giám đốc : 40.600.000 đồng / tháng

10. Thông qua việc ký các Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV.

Giao cho Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng sau với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn:

– Bản thỏa thuận về hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, hợp đồng dịch vụ nước sạch năm 2019. Việc ký kết này phải được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị về đơn giá dịch vụ phân phối nước sạch.

+ Thời gian ủy quyền là 01 năm; thời hạn hợp đồng không quá 12 tháng.

+ Khi có sự thay đổi về đơn giá dịch vụ phân phối nước sạch thì Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định trước khi ký hợp đồng.

– Hợp đồng sang nhượng vật tư ngành nước. Giám đốc công ty có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nội dung này trong các cuộc họp HĐQT định kỳ hằng quý.

11. Miễn nhiệm tư cách Thành viên Hội đồng quản trị đối với:

- ♦ Ông Lý Bửu Nghĩa từ ngày 19/04/2019 (theo đơn từ nhiệm)

12. Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 – 2019 đối với:

- ♦ Bà **Nguyễn Thị Kiều Nguyệt** – thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 19/04/2019

**Điều 2.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 3.** Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/04/2019.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- UBCKNN;
- SGDCK;
- HĐTV - TCT;
- Tổng giám đốc – TCT;
- HĐQT; BKS
- Ban Giám đốc Cty;
- Phòng, ban, đội;
- Lưu.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phạm Anh Tài**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2019

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

2. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ KIỀU NGUYỆT**
3. Giới tính: Nam  Nữ
4. Số CMND: 023868090 Ngày cấp: 22/12/2012 Nơi cấp: CA TP.HCM
5. Ngày sinh: 11/7/1983 Nơi sinh: Đà Nẵng
6. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Mai Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
8. Địa chỉ thường trú: 9B/232, Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
9. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 38.291.777 - 0904.422.943
10. Chức vụ công tác hiện nay: Đảng ủy viên, Chánh văn phòng Đảng ủy Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
11. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: .....
12. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 812.500 cổ phiếu, chiếm 16,25%, trong đó: cá nhân sở hữu: ..... cổ phiếu và được ủy quyền đại diện (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn) 812.500 cổ phiếu.
13. Các cam kết nắm giữ (nếu có): .....
14. Danh sách người có liên quan đến người kê khai:

| STT | Tên cá nhân/ Tổ chức | Số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức, ngày cấp, nơi cấp. | Số lượng cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng | Mối quan hệ |
|-----|----------------------|---|--|-------------|
| 1   | Nguyễn Văn Hạnh      | Sinh năm 1953,<br>CMND: 020127045   | 0  | Cha ruột    |
| 2   | Dương Thị Thủy       | Sinh năm 1958,<br>CMND: 023328499   | 0  | Mẹ ruột     |
| 3   | Trần Kim Luân        | Sinh năm 1978,<br>CMND: 093078000189  | 0  | Chồng       |
| 4   | Trần Cát Đông Nghi   | Sinh năm 2011   | 0  | Con ruột    |

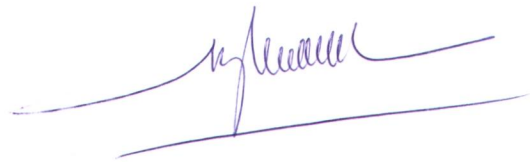
|   |                       |                                   |   |          |
|---|-----------------------|-----------------------------------|---|----------|
| 5 | Trần Kim Vân<br>Khánh | Sinh năm 2013                     | 0 | Con ruột |
| 6 | Nguyễn Dương<br>Hùng  | Sinh năm 1989,<br>CMND: 024167391 | 0 | Em ruột  |

15. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: .....

16. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng (nếu có):.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thị Kiều Nguyệt**